

TP.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 06 THÁNG NĂM 2024

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin về quỹ

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN**
- Sau đây gọi tắt là “**Quỹ**” hoặc “**DFVN-CAF**”
- Loại hình quỹ: Quỹ mở

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

3. Thời hạn hoạt động: thời hạn hoạt động của quỹ không xác định

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Như đã được đề cập trong Bản Cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định Pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những Nhà đầu tư có tên trên danh sách Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2024: 7.675.253,20 đơn vị quỹ

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Điều lệ Quỹ DFVN-CAF sửa đổi, bổ sung lần thứ 3 đã được Đại hội Nhà Đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2023 của Quỹ DFVN-CAF thông qua vào ngày 24/04/2024.

Các nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ được trình bày tại Phụ lục Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2023 Quỹ DFVN-CAF đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn truy cập tin công bố thông tin như sau: <https://dfvn.com.vn/vi/node/4003>

Trong đó, nội dung sửa đổi Điều lệ Quỹ liên quan đến cập nhật thông tin Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan; Chuẩn hóa các quy định tại Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ.

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Vào ngày 24/04/2024, Đại hội Nhà đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2023 Quỹ DFVN-CAF đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với các nội dung như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 của Quỹ DFVN-CAF;
- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-CAF;
- Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ DFVN-CAF năm 2024:
 - ✓ Thông qua mức thù lao của Ban Đại diện Quỹ là 5.000.000 VNĐ/ tháng/ người.
 - ✓ Thông qua tổng thù lao của các thành viên Ban Đại diện Quỹ DFVN-CAF trong năm 2024 là: 180.000.000 VNĐ.
- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn 01 (một) Công ty Kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2024 của Quỹ DFVN-CAF;

- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, bao gồm:
 - ✓ Ban Đại diện Quỹ được quyết định thay đổi (tăng, giảm) mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ nhưng không được vượt quá $1,5\% * NAV/năm$ như quy định tại Điều lệ Quỹ DFVN-CAF (Điều 61.1).
 - ✓ Mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể do Ban Đại diện Quỹ quyết định được Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin theo quy định, phù hợp với nội dung được quy định tại Bản Cáo bạch để áp dụng và thực hiện.
 - ✓ Thời gian áp dụng mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể sẽ được Ban Đại diện Quỹ cân nhắc trên cơ sở làm việc với Công ty Quản lý Quỹ hoặc đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ.
 - ✓ Ban Đại diện Quỹ được tối đa (02) lần quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trong khoảng thời gian kể từ khi Nghị Quyết này có hiệu lực cho đến khi Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư kế tiếp có hiệu lực.
- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-CAF lần thứ 3.

9. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát (“NHGS”) về các nội dung quy định tại điều 79 của thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“**thông tư 98**”):

Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“CTQLQ”) đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập và gửi các báo cáo tuần, tháng và quý của Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN (“DFVN-CAF”) theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục của Quỹ DFVN-CAF:

Cơ cấu tài sản quỹ	30/06/2024 (%)	30/06/2023 (%)	30/06/2022 (%)
1. Cổ phiếu niêm yết	89,64	92,11	92,01
2. Tiền và các khoản tương đương tiền	9,61	4,34	3,42
3. Tài sản khác	0,75	3,55	4,57
Cộng	100,00	100,00	100,00

- Tỷ lệ phân bổ theo ngành của cổ phiếu niêm yết như bảng bên dưới:

Ngành	DFVN-CAF		
	30/06/2024 (%)	30/06/2023 (%)	30/06/2022 (%)
Tài chính	36,0	41,7	23,3

Bất động sản	4,4	8,2	7,1
Hàng tiêu dùng	9,1	9,9	17,1
Bán lẻ	3,3	2,4	9,3
Công nghiệp	11,9	5,5	10,6
Công nghệ thông tin	18,5	8,5	6,8
Vật liệu xây dựng	10,9	15,6	15,7
Tiện ích	3,1	4,9	7,2
Năng lượng	2,7	3,3	2,8
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2023	30/06/2022
Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND)	122.339.948.591	148.177.606.978	141.976.939.270
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	15.939,53	13.315,12	13.856,48
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	7.675.253,20	11.128.514,24	10.246.245,00
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ)	16.473,81	13.378,04	16.789,71
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ)	13.890,48	12.298,45	13.014,08

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND)	30/06/2024	30/06/2023	30/06/2022
Tổng thu nhập của Quỹ	18.554.856.001	13.078.846.809	(23.122.785.792)
<i>Cổ tức được chia</i>	1.204.999.100	1.443.689.600	709.663.800
<i>Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư</i>	15.416.490.972	(4.708.871.322)	(1.010.347.338)
<i>Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện</i>	1.764.576.578	16.309.292.522	(22.887.054.152)
<i>Các khoản thu nhập khác</i>	168.309.351	34.736.009	64.951.898
<i>Các khoản thu nhập khác về đầu tư</i>	480.000	-	-

Tổng chi phí của Quỹ	1.634.816.162	1.876.004.535	2.139.177.868
Tổng lợi nhuận của Quỹ	16.920.039.839	11.202.842.274	(25.261.963.660)

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: *Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.*

- Tỷ lệ chi phí hoạt động và Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

CHỈ TIÊU	Bán niên 2024 (%)	Bán niên 2023 (%)	Bán niên 2022 (%)
Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	1,13	1,49	1,48
Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,37	0,30	0,30
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ	0,22	0,20	0,22
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,13	0,11	0,10
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,14	0,13	0,12
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	2,62	2,67	2,83
Tốc độ vòng quay danh mục	241,96	170,45	218,26

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo:
Không có

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

	Bán niên 2024	Bán niên 2023	Bán niên 2022
Tổng lợi nhuận	16.920.039.839	11.202.842.274	(25.261.963.660)

Tổng lợi nhuận bình quân của quỹ tính từ ngày thành lập (3/1/2019) tới ngày lập báo cáo: 7.892.927.775 (VND)

3. Các chỉ tiêu so sánh khác:

Chỉ tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06 năm		
	2024	2023	2022
1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
<i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)</i>	116.152.860.700	107.979.312.000	94.597.894.500
<i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)</i>	11.615.286,07	10.797.931,20	9.459.789,45
2. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)</i>	4.642.235,75	682.776,38	1.093.709,36
<i>Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)</i>	46.422.357.500	6.827.763.800	10.937.093.600
<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)</i>	(8.582.268,62)	(352.193,34)	(307.253,81)
<i>Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)</i>	(85.822.686.200)	(3.521.933.400)	(3.072.538.100)
3. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
<i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)</i>	76.752.532.000	111.285.142.400	102.462.450.000
<i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)</i>	7.675.253,20	11.128.514,24	10.246.245,00
4. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	52,92	68,47	73,07
5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)	56,91	69,94	75,57
6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	46,05	62,90	68,32
7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ	2.119	1.219	1.070
8. NAV/CCQ cuối kỳ (VND)	15.939,53	13.315,12	13.856,48

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

4. Khuyến cáo: Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

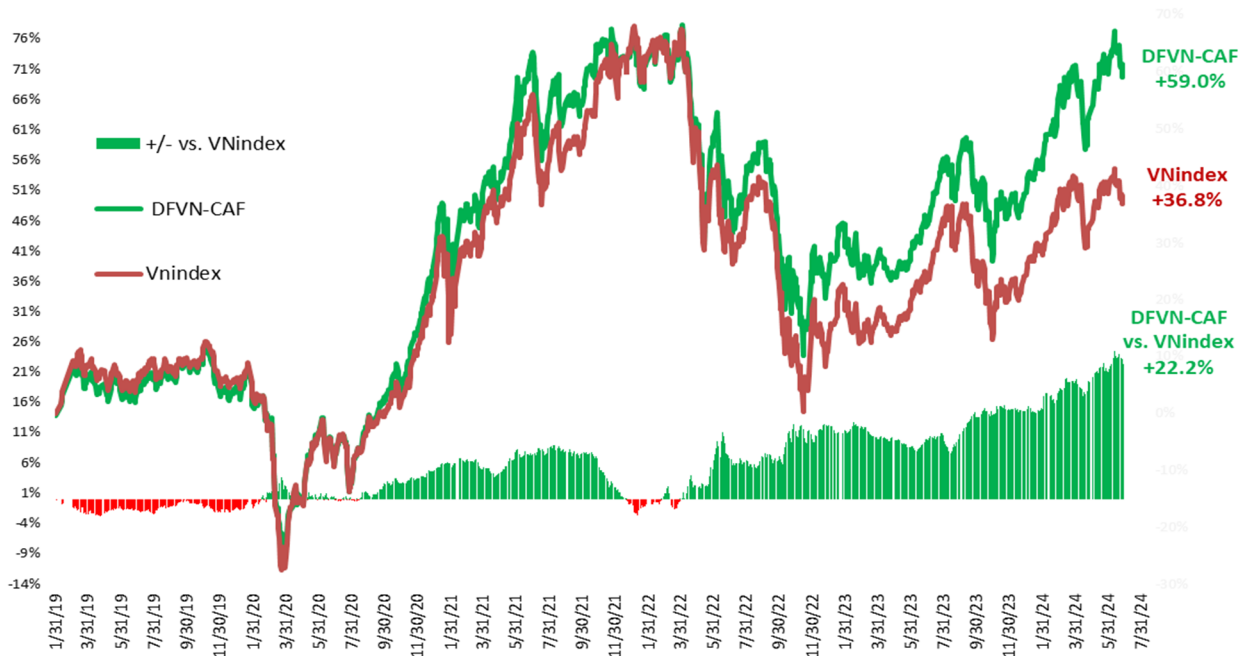
b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: *(thuyết minh này được trình bày tại báo cáo hàng năm của quỹ)*

Quỹ bắt đầu giải ngân ngày 10/01/2019 và hoàn tất giải ngân đến cuối tháng 01 năm 2019. Sau thời gian giải ngân ban đầu, Quỹ đã bắt nhịp thị trường và bắt đầu đạt mức tăng trưởng lợi nhuận tốt từ cuối năm 2020.

Thị trường chứng khoán trong năm 2024 tiếp tục đà tăng trưởng theo sau sự phục hồi trong năm 2023 so với giai đoạn điều chỉnh giảm tương đối lớn trong năm 2022. Khi các nhà đầu tư đã quay lại với sự lựa chọn cơ bản và giá trị nên các cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt đã thu hút dòng tiền và Quỹ có mức tăng trưởng lợi nhuận (performance) tốt hơn so với chỉ số VN-index.

Tuy nhiên, đã có sự phân hóa khá rõ nét giữa các ngành nghề cũng như các công ty trong cùng ngành khi mà kết quả hoạt động kinh doanh có sự khác nhau; đồng thời thị trường chứng kiến sự rút vốn mạnh từ nhà đầu tư nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2024, đã góp phần làm cho thị trường sự biến động mặc dù xu hướng chung là phục hồi và tăng trưởng trở lại đặc biệt từ quý 1 mặc dù sau đó có điều chỉnh nhẹ trong quý 2. Thanh khoản thị trường tiếp tục duy trì bình quân trên hai mươi ngàn tỷ một phiên. Trong xu thế thị trường nhìn chung đi ngang, giao động trong biên độ hẹp, các cổ phiếu có nền tảng tốt được các nhà đầu tư ưu tiên và có sự phục hồi tốt hơn so với các cổ phiếu đầu cơ nhỏ. Do đó Quỹ đã có mức tăng tích cực hơn chỉ số VN-index do danh mục của Quỹ chủ yếu nắm giữ các mã cổ phiếu cơ bản dài hạn.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị);



(Ghi chú: Biểu đồ tính từ ngày Quỹ hoàn tất giải ngân, ngày 31/01/2019)

28/06/2024	1 Tháng	3 Tháng	6 Tháng	9 Tháng	YTD 2024	2023	2022	2021	2020	Từ lúc giải ngân (10/01/2019)
DFVN-CAF	-0.28%	-0.73%	14.74%	13.39%	14.74%	12.94%	-25.10%	30.05%	20.98%	59.40%
VN-Index	-1.30%	-3.02%	10.21%	7.90%	10.21%	12.20%	-32.78%	35.73%	14.87%	38.63%
So với VNIndex	1.02%	2.29%	4.53%	5.49%	4.53%	0.74%	7.68%	-5.68%	6.11%	20.76%
So với VN100	0.46%	0.58%	2.34%	1.66%	2.34%	-5.23%	11.51%	-17.89%	-0.58%	3.43%

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): *không áp dụng*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. (Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ):

Chiến lược đầu tư của Quỹ theo đúng chiến lược đã công bố tại Bản cáo bạch: Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị (value style), phân tích cơ bản (fundamental analysis) và đánh giá các yếu tố thị trường.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

- *Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh*
- *Có tình trạng tài chính lành mạnh*
- *Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt*
- *Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.*

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ DFVN-CAF tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Thị trường chứng khoán 6 tháng đầu năm 2024 có sự phục hồi khá tốt so với năm 2023, đặc biệt là trong Quý I khi tâm lý của nhà đầu tư đã dần tích cực hơn sau khi các rủi ro về lạm phát, thắt chặt tiền tệ đã đạt đỉnh và đi vào giai đoạn cuối chu kỳ. Trong nước, lạm phát đã được kiểm soát Chính phủ cũng đã thực thi chính sách nới lỏng tiền tệ, thúc đẩy tín dụng và vốn cho nền kinh tế, duy trì mức lãi suất thị trường tương đối thấp. Chính sách tài khóa cũng được kỳ vọng và thúc đẩy mạnh trong năm 2024.

Danh mục đầu tư của Quỹ cũng đã được cơ cấu lại, chuyển sang tăng tỷ trọng nắm giữ các mã cổ phiếu thuộc các ngành cơ bản thiết yếu như dịch vụ, nguyên vật liệu, công nghệ thông tin; và chọn lọc các doanh nghiệp lớn có nền tảng tốt trong khi giảm mạnh tỷ trọng nắm giữ ngành bất động sản, cổ phiếu đầu cơ trước xu hướng lãi suất có thể tăng trở lại, suy giảm tiêu dùng trong và ngoài nước về ngắn hạn vẫn chưa phục hồi ngay lập tức.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

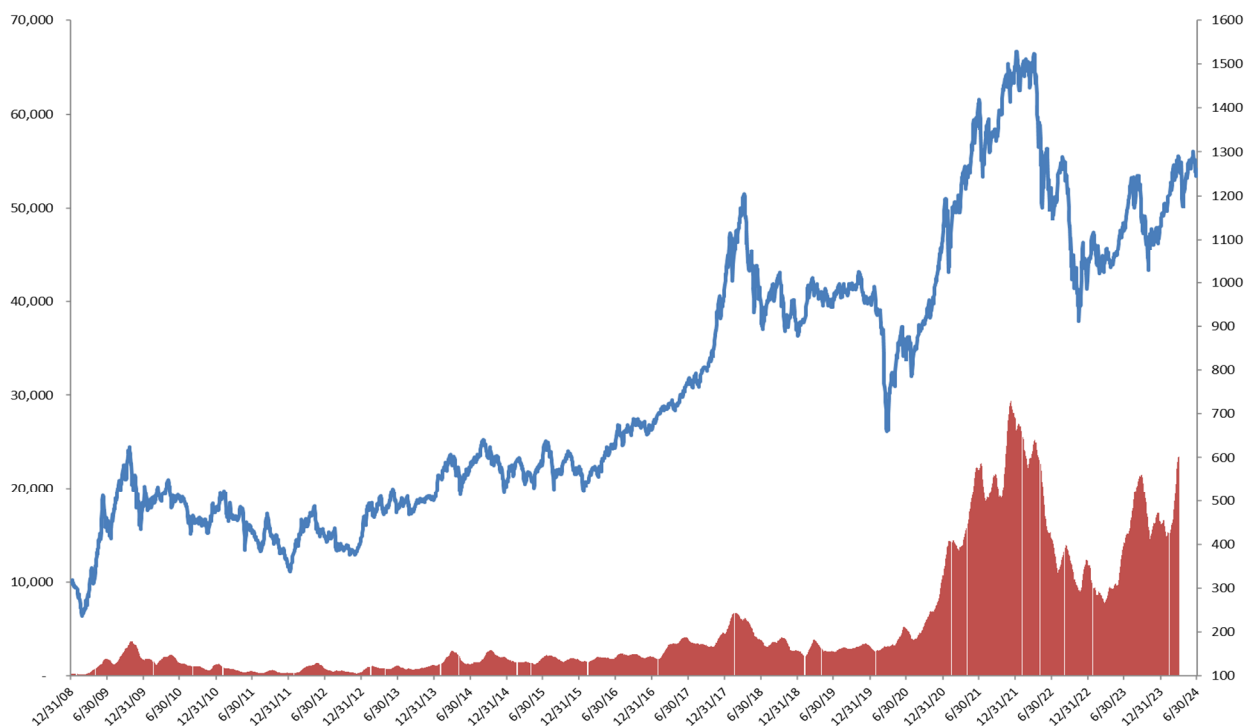
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại thời điểm 30/06/2024 đạt 15.939,53 tăng 17,74% so với giá trị tại thời điểm 31/12/2023 là 13.891,27. Mức tăng này thể hiện kỳ vọng sự phục hồi dần của nền kinh tế so với 2023, đặc biệt là trong Quý 1 khi tâm lý của nhà đầu tư khá tích cực khi các yếu tố tiêu cực trên thế giới cũng như trong nước đã được dự báo và phản ánh vào thị trường, các chính sách hỗ trợ nền kinh tế khá mạnh mẽ của Chính Phủ, chính sách tiền tệ nới lỏng... tuy nhiên sau đó rủi ro tỷ giá và chính sách điều hành lãi suất của FED là một trong các nguyên nhân khiến thị trường điều chỉnh nhẹ trong Quý 2.

Tính chung trong nửa đầu năm 2024, Quỹ có mức tăng tích cực hơn so với chỉ số VN-index khi Quỹ tăng tỷ trọng nắm giữ các mã cổ phiếu thuộc các ngành cơ bản thiết yếu như ngành tiêu dùng, dịch vụ, nguyên vật liệu (ACB, VCB, HPG, SAB, HPG), công nghệ thông tin (FPT); và các doanh nghiệp lớn có chọn lọc (VNM, GVR, PNJ, GAS...) trong khi giảm mạnh tỷ trọng nắm giữ ngành bất động sản (nhóm VinGroup, NVL, HDG...) trước xu hướng lãi suất có thể tăng, sự phục hồi chậm của thị trường bất động sản. Ngoài ra, Quỹ không đầu tư các cổ phiếu mang tính chất đầu cơ ngắn hạn, thanh khoản thấp.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap).

Quỹ tập trung đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn, thanh khoản cao của những doanh nghiệp dẫn đầu ngành, có nhiều lợi thế cạnh tranh, có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, năng lực quản trị tốt minh bạch, tiềm lực tài chính tốt và có khả năng sinh lời vượt trội. Đồng thời, Quỹ cũng sẽ phân bổ một phần tài sản vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa và thanh khoản mặc dù không cao nhưng định giá tốt và có tiềm năng tăng trưởng rõ rệt trong tương lai.

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ)



Thị trường chứng khoán Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024 phục hồi khá tốt so với cuối năm 2023, Vn-index đóng cửa ở mức 1245 điểm tăng trưởng khá tốt 10,2% so với cuối năm 2023. Thị trường trong 6 tháng đầu năm 2024 phản ánh tâm lý lạc quan trong Quý 1 và dần thận trọng hơn trong Quý 2 của các nhà đầu tư trước các diễn biến của thị trường. Yếu tố đầu tiên là lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết có thể phục hồi không được như kỳ vọng khi nhu cầu tín dụng được cho là khá thấp, các doanh nghiệp hạn chế mở rộng hoạt động kinh doanh và đầu tư. Thứ 2 là rủi ro tỷ giá có áp lực khá lớn trong quý 2, Ngân hàng nhà nước đã phải sử dụng công cụ tín phiếu nhằm can thiệp tỷ giá, qua đó đẩy lãi suất thị trường lên ngân hàng lên quanh mức 5% và lãi suất tiền gửi trong hệ thống ngân hàng cũng rục rịch tăng theo.

Tuy nhiên trong dài hạn dự kiến thị trường vẫn còn nhiều động lực tăng trưởng mới như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp có thể được cải thiện, chính sách kích cầu, giảm gánh nặng thuế, phí đã được Chính phủ triển khai trong năm 2024 sẽ phát huy tác dụng. Chính sách tiền tệ được nới lỏng nhằm hỗ trợ thanh khoản, mặt bằng lãi suất cho vay đã xuống khá thấp tạo thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh. Các giải pháp làm minh bạch hóa thị trường nhằm hướng đến việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trong vài năm tới bắt đầu được kỳ vọng và thực thi. Tuy nhiên, nhiều khó khăn trước mắt vẫn còn đó như khả năng hấp thụ vốn tín dụng của doanh nghiệp còn thấp khi rủi ro mở rộng kinh doanh vẫn còn khá cao, câu tiêu dùng trong nước phục hồi khá chậm, trong khi rủi ro tỷ giá hiện còn cao và có thể dẫn đến sự thay đổi trong chính sách tiền tệ.

Trong thực tế, luôn có những sự kiện xảy ra và ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán; tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các biến cố thường mang tính chất ngắn hạn so với cả quá trình phát triển bền vững lâu dài của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Những bất ổn vĩ mô của nền kinh tế hoặc các sự kiện tiêu cực sẽ qua đi và dần được điều chỉnh để giúp nền kinh tế phục hồi. Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm trong việc điều hành nền kinh tế vượt qua các giai đoạn khó khăn. Vì vậy chúng tôi tin rằng với nhiều giải pháp hợp lý trong điều hành vĩ mô thời gian gần đây cũng như nỗ lực đẩy lùi các hoạt động đầu cơ, lũng đoạn thị trường, giữ lạm phát và tỷ giá ổn định, hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng vv sẽ giúp thị trường chứng khoán dần phục hồi, niềm tin của nhà đầu tư trở lại cùng với triển vọng tích cực hơn thì thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong dài hạn. Các tổ chức quốc tế đều đồng thuận cho rằng nền kinh tế Việt Nam là điểm sáng hiếm hoi trong bối cảnh suy thoái toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam dự báo sẽ hồi phục dần và tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo. Trong trung dài hạn thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ nhiều tiềm năng phát triển khi:

- Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP cao, lạm phát được kiểm soát ở mức vừa phải so với các quốc gia khác, tỷ giá giao động trong biên độ không quá lớn (dù có vài thời điểm và sự kiện đặc biệt làm tỷ giá biến động mạnh nhưng chỉ trong thời gian khá ngắn), tình hình thu hút FDI vẫn được duy trì chưa có dấu hiệu tiêu cực,... Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước trên chu kỳ kinh tế đi lên.

- Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (chỉ số giá trên thu nhập P/E thấp hơn mức trung bình trong nhiều năm qua, và hấp dẫn hơn so với các thị trường khu vực trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE, mức sinh lời trên tài sản ROA khá cao). Tầng lớp trung lưu tăng lên và tham gia ngày càng nhiều vào thị trường chứng khoán, thể hiện qua số tài khoản mở mới tăng mạnh trong 2 năm qua.

Ngoài ra, các yếu tố mang tính sự kiện, xúc tác tạo động lực tăng trưởng cho Thị trường Chứng

khoán như (i) việc nói room cho Nhà đầu tư nước ngoài; (ii) thúc đẩy cổ phần hóa và niêm yết Doanh nghiệp Nhà nước. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công từ giai đoạn năm 2023-2024 cùng với gói hỗ trợ phát triển kinh tế đã được Quốc hội thông qua trong năm 2022; (iii) triển vọng nâng hạng Thị trường Việt Nam (FTSE Russel và MSCI Emerging Market); (iv) tích cực đẩy mạnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTAs); (v) thu hút vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua các sản phẩm như quỹ chỉ số, hợp đồng tương lai, quyền chọn và Luật chứng khoán mới hiệu lực từ năm 2021.

Tuy nhiên chúng tôi vẫn khuyến nghị thận trọng với những rủi ro trên thế giới có thể chưa lường trước được và ảnh hưởng sâu rộng đến tình hình kinh tế Việt Nam: lạm phát vẫn duy trì khá cao ở nhiều nền kinh tế lớn dù đang có xu hướng giảm xuống, các bất ổn địa chính trị và ảnh hưởng biến đổi khí hậu là những ẩn số khó dự báo. Trong khi đó nhu cầu tiêu thụ toàn cầu suy giảm, Châu Âu và Trung Quốc đối mặt với các nguy cơ suy thoái kinh tế. Đối với trong nước, rủi ro thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp và nợ xấu của hệ thống ngân hàng chưa đo lường hết quy mô ảnh hưởng, cầu tiêu dùng và đầu tư của xã hội đều ở mức thấp, rủi ro tỷ giá luôn rình rập. Do đó việc giữ ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng như mục tiêu hiện nay được đánh giá là nhiệm vụ khá thách thức cho Chính Phủ.

Đánh giá chung, với các yếu tố cơ bản về giá trị kết hợp với các yếu tố định tính như phân tích ở trên cho thấy Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian dài hạn sắp tới tiếp tục có những kịch bản sáng sủa cùng với kỳ vọng tiếp tục phục hồi dần và khởi sắc dần của nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài trong những năm tiếp theo; và dĩ nhiên bức tranh sáng sủa phải kèm theo những giả định về tác động từ các rủi ro từ bên ngoài không quá lớn, lạm phát và tỷ giá kiểm soát tiếp tục ổn định, rủi ro của hệ thống ngân hàng thương mại trong tầm kiểm soát.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:

Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản Cáo bạch.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:

Quỹ không có thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

m) Các thông tin khác (nếu có): *không có*

VI. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024:

1. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định tại điều 90, điều 91 của Luật Chứng khoán và khoản 1, khoản 2 điều 75 của Thông tư 98: Không có.
2. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) mở:
 - 2.1. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 điều 36 của

Thông tư 98: Không có.

- 2.2. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: Không có.
3. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại điều 110 của Luật chứng khoán; điều 24, điều 25 và điều 35 của Thông tư 98: không có.
4. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ: không có.
5. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà Ngân hàng Giám sát phát hiện: không có
6. Các hoạt động khác: không có

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ trong năm kết thúc ngày 30/06/2024:

Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với thu nhập	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động
Phí dịch vụ Quản trị Quỹ mở (%)	0,43	0,39	4,44
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (%)	0,39	0,36	4,04

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Không có

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (DFVN-CAF) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV
Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Trần Châu Danh